

Số: **2062**/CT- BNN-KH

Hà Nội, ngày **26** tháng 6 năm 2014

CHỈ THỊ

Về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2015

Thực hiện Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2015; Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ thị Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai các nhiệm vụ, nội dung chủ yếu sau:

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Đánh giá tình hình thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ phát triển ngành kế hoạch năm 2014 trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội và Chính phủ trong 6 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm 2014; trong đó chú trọng đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 2 tháng 1 năm 2014 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2014. Đánh giá các kết quả đạt được, phân tích các nguyên nhân khách quan và chủ quan của những hạn chế, tồn tại và biện pháp khắc phục trong những tháng cuối năm. Trong đó, cần đánh giá, phân tích tác động của sự kiện biến Đông đến việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch phát triển ngành và dự toán ngân sách nhà nước năm 2014.

2. Căn cứ các mục tiêu chủ yếu của Kế hoạch 5 năm 2011-2015 tại Nghị quyết số 10/2011/QH13 ngày 18 tháng 11 năm 2011 của Quốc hội, Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm 2011-2020; Chiến lược phát triển ngành giai đoạn 2010-2020, Kế hoạch 5 năm 2011-2015 của ngành và tình hình thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2014; dự báo tình hình trong nước, thế giới và khu vực; đặc biệt là yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới để xác định mục tiêu, nhiệm vụ phát triển và xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2015 của ngành, Bộ.

3. Dự toán ngân sách nhà nước năm 2015 phải bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ ngành 2011-2015, tập trung nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ tái cơ cấu ngành và xây dựng nông thôn mới, ưu tiên phát triển các chương trình biển, đảo, hỗ trợ ngư dân. Dự toán ngân sách nhà nước năm 2015 cần thực hiện theo Luật Ngân sách nhà nước, đúng các chế độ, chính sách hiện hành, trên tinh thần tiết kiệm, phòng chống tham nhũng, lãng phí.

4. Xây dựng kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn và dự toán ngân sách nhà nước năm 2015 phải đảm bảo tính đồng bộ, hệ thống và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị và các cấp, các ngành, các địa phương, nhằm mục tiêu đạt năng suất, chất lượng hiệu quả về kinh tế, xã hội và môi trường.

5. Đảm bảo tính công khai, minh bạch và công bằng trong xây dựng kế hoạch và phân bổ các nguồn lực;

B. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Xây dựng nền nông nghiệp giá trị gia tăng cao và phát triển bền vững trên cơ sở thực hiện tái cơ cấu ngành gắn với xây dựng nông thôn mới góp phần đẩy nhanh phát triển nền kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội và nâng cao đời sống nhân dân;

2. Mục tiêu cụ thể

+ Tốc độ tăng trưởng GDP nông lâm thủy sản bình quân khoảng 2,6-3%/năm.

+ Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất nông lâm thủy sản 3,5-4,0%/năm.

+ Độ che phủ của rừng đạt 42%.

+ Kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản đạt 30 tỷ USD.

+ Tỷ lệ số xã đủ 19 tiêu chí nông thôn mới đạt 20%.

II. NHIỆM VỤ

1. Đối với Tổng cục, Cục, Vụ thuộc Bộ và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Triển khai mạnh mẽ các Đề án, Kế hoạch, Chương trình hành động của ngành/lĩnh vực và của đơn vị đã được phê duyệt để tạo chuyển biến rõ rệt về năng suất, chất lượng và hiệu quả, thúc đẩy tăng trưởng và phát triển bền vững, tập trung vào các nhiệm vụ chủ yếu sau:

1.1. Phát triển sản xuất

1.1.1. Trồng trọt

Tái cơ cấu trồng trọt theo hướng tập trung phát triển các ngành sản xuất chủ lực quy mô lớn, gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ theo chuỗi giá trị trên cơ sở tiếp tục đẩy mạnh các biện pháp thâm canh, ứng dụng khoa học công nghệ và tổ chức lại sản xuất (liên kết) nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả; Phát triển các khu sản xuất chuyên canh theo mô hình cánh đồng lớn; Áp dụng thực hành sản xuất tốt để cải thiện chất lượng; Chú trọng phát triển công nghệ giảm tổn thất sau thu hoạch, chế biến, bảo quản, tiêu thụ nhằm nâng cao giá trị gia tăng và hiệu quả sản xuất các sản phẩm ngành trồng trọt.

Sử dụng linh hoạt 3,8 triệu ha trồng lúa, chuyển một phần diện tích trồng lúa sang trồng màu để vừa đảm bảo an ninh lương thực, vừa tạo nguồn nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi; nâng cao hiệu quả sử dụng đất; tập trung cải tạo giống lúa để nâng cao năng suất, chất lượng gạo; mở rộng diện tích gieo trồng ngô để chủ động nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi. Tập trung sản xuất rau, hoa quả công nghệ cao, quy mô lớn ở những địa phương có tiềm năng, lợi thế, có thị trường tiêu thụ ổn định.

Đổi với các loại cây lâu năm (cao su, cà phê, chè, điều...) chủ yếu tái canh vườn cây già cỗi; thâm canh nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất.

Các địa phương căn cứ vào tín hiệu của thị trường, tiềm năng, lợi thế của địa phương và quy hoạch ngành đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt để xác định cơ cấu cây trồng, quy mô sản xuất phù hợp.

1.1.2. Chăn nuôi

Từng bước tái cấu trúc ngành, chuyển từ chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang phát triển chăn nuôi tập trung theo mô hình trang trại, gia trại, duy trì chăn nuôi nông hộ nhưng theo hình thức công nghiệp và bán công nghiệp; khuyến khích tổ chức sản xuất khép kín, liên kết giữa các khâu trong chuỗi giá trị để giảm chi phí, tăng hiệu quả và giá trị gia tăng.

Khuyến khích chuyển dịch dần chăn nuôi từ vùng mật độ dân số cao (đồng bằng) đến nơi có mật độ dân số thấp (trung du, miền núi), hình thành các vùng chăn nuôi xa thành phố, khu dân cư; Chuyển dịch cơ cấu đàn vật nuôi phù hợp với nguồn thức ăn lợi thế của từng địa phương; tăng tỷ trọng gia cầm, tiếp tục phát triển chăn nuôi lợn và gia súc lớn, tạo sản phẩm an toàn vệ sinh thực phẩm.

Giám sát và kiểm soát dịch bệnh hiệu quả, tăng cường dịch vụ thú y; quy định chặt chẽ việc quản lý và sử dụng thuốc thú y; áp dụng tiêu chuẩn an toàn thực phẩm theo chuỗi giá trị. Bố trí đủ nguồn lực để chủ động phòng chống dịch cúm gia cầm, dịch lở mồm long móng, tai xanh ở gia súc và các loại dịch bệnh khác.

1.1.3. Thủy sản

Tập trung mọi nỗ lực phát triển kinh tế biển gắn với nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển đảo và thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế biển của đất nước.

- Về khai thác hải sản; triển khai mạnh chương trình đóng mới tàu vỏ thép, công suất lớn với trang bị đồng bộ về thiết bị hàng hải, thông tin và các thiết bị chuyên ngành cần thiết khác gắn với tổ chức lại sản xuất hình thành các tổ đội sản xuất trên biển để nâng cao năng lực khai thác; khuyến khích hoạt động khai thác hải sản ở ngư trường xa bờ với các đối tượng có giá trị kinh tế cao, có thị trường tiêu thụ; giảm dần, tiến tới ổn định sản lượng khai thác hải sản vùng biển gần bờ; đầu tư tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị

dân, góp phần bảo vệ an ninh chủ quyền biên đảo của Tổ quốc; ưu tiên cao nhất cho ngư trường Hoàng Sa, Trường Sa và DK1. Khuyến khích phát triển mô hình đồng quản lý nguồn lợi ven bờ nhằm nâng cao khả năng tự phục hồi và tính bền vững nguồn lợi thủy sản.

- Về nuôi trồng thủy sản, thực hiện rà soát diện tích nuôi trồng thủy sản, đảm bảo các điều kiện nuôi thủy sản an toàn, kiểm soát tốt dịch bệnh ở các đối tượng nuôi với tất cả các phương thức nuôi khác nhau; song song với tập trung sản xuất các đối tượng nuôi chủ lực (tôm sú, tôm thẻ chân trắng, cá tra, rô phi, nhuyễn thể), tiếp tục đa dạng hóa đối tượng và phương thức nuôi để tạo sản phẩm đáp ứng nhu cầu của thị trường; khuyến khích nuôi công nghiệp, áp dụng công nghệ mới nuôi thâm canh thành vùng tập trung, thực hành quy trình nuôi tốt (GAP), đảm bảo truy suất nguồn gốc; tập trung nâng cao năng lực sản xuất và cung cấp giống tốt với giá cả hợp lý cho sản xuất; phát triển cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản, hạ tầng thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản.

- Về chế biến, tiếp tục đầu tư ứng dụng công nghệ, thiết bị hiện đại bảo quản trong và sau thu hoạch để giảm tỉ lệ thất thoát; cơ cấu lại sản phẩm chế biến theo hướng giảm tỷ lệ sản phẩm sơ chế, tăng tỷ trọng sản phẩm có giá trị gia tăng cao, đa dạng hoá mặt hàng chế biến; mở rộng áp dụng hệ thống quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm theo các tiêu chuẩn quốc tế ISO, HACCP, GMP, SSOP; tăng cường phát triển công nghiệp sản xuất thức ăn thủy sản, chế phẩm sinh học.

- Tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng, dịch vụ cho ngành thủy sản, các khu neo đậu tránh trú bão, bến cá, cảng cá; thiết lập khu bảo tồn biển; cải thiện hệ thống dữ liệu thủy sản, phân tích nguồn, trữ lượng thủy sản và giám sát mức độ đánh bắt hải sản trên các vùng biển.

1.1.4. Lâm nghiệp

Tiếp tục triển khai các nội dung của Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng theo Quyết định số 57/QĐ-TTg ngày 9/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó định hướng chính sẽ được triển khai trong năm 2015:

- Ưu tiên tập trung phát triển và tăng tỷ lệ rừng kinh tế trong tổng diện tích rừng của cả nước. Nâng cao hiệu quả kinh tế của rừng trồng theo hướng đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu sản phẩm từ khai thác gỗ non xuất khẩu dăm gỗ sang khai thác gỗ lớn nhằm tạo vùng nguyên liệu tập trung, cung cấp nguyên liệu gỗ cho công nghiệp chế biến đồ gỗ xuất khẩu, giảm dần nhập khẩu gỗ nguyên liệu và phát triển dịch vụ môi trường rừng.

- Quản lý, sử dụng bền vững diện tích rừng tự nhiên, thay thế các diện tích kém hiệu quả bằng rừng trồng có năng suất cao, đáp ứng tiêu chí bền vững, đưa lâm nghiệp thực sự trở thành ngành kinh tế có hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường.

- Điều chỉnh cơ cấu giống cây lâm nghiệp trồng trong rừng phòng hộ theo hướng tăng cây đa tác dụng, đa mục tiêu tạo điều kiện tăng thu nhập cho người làm nghề rừng.

- Phát triển và tăng cường quản lý hệ sinh thái rừng đặc dụng, bảo vệ quỹ gen, bảo đảm đa dạng sinh học và các mô hình bền vững cho bảo tồn đa dạng sinh học và cung cấp các dịch vụ môi trường rừng (quỹ bảo tồn, các mô hình đền bù sinh thái...).

- Tăng cường công tác bảo vệ rừng theo Quyết định 07/2012/QĐ-TTg ngày 08/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ. Sắp xếp, kiện toàn, làm trong sạch, chống tiêu cực, đẩy mạnh hoạt động của lực lượng kiểm lâm để đảm bảo tốt vai trò là lực lượng nòng cốt trong quản lý bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng, vừa tham gia thực hiện các nhiệm vụ về giao đất, giao rừng, khuyến lâm và thống kê, kiểm kê rừng.

Tiếp tục triển khai công tác giao đất, khoán rừng cho các hộ gia đình, các cộng đồng để tổ chức quản lý bảo vệ; khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có khả năng đầu tư trồng rừng sản xuất thâm canh có hiệu quả; thu hút đầu tư vào trồng rừng sản xuất và chế biến lâm sản, phát triển du lịch sinh thái rừng.

1.1.5. Diêm nghiệp

Mở rộng diện tích và đầu tư chiều sâu sản xuất muối theo phương thức công nghiệp hiện đại, quy mô lớn; phát triển hệ thống thủy lợi phục vụ sản xuất muối; áp dụng cơ giới hóa, tự động hóa trong chế biến, nâng cao năng suất, chất lượng muối phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng trong nước làm thực phẩm và nguyên liệu cho công nghiệp.

1.1.6. Công nghiệp chế biến và ngành nghề nông thôn

Triển khai thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách đã ban hành; khuyến khích phát triển chế biến, nhất là chế biến sâu đối với các loại nông lâm thủy sản. Khuyến khích và hỗ trợ các doanh nghiệp liên kết với nông dân theo chuỗi sản xuất.

Quy hoạch phát triển làng nghề với quy mô, cơ cấu sản phẩm, trình độ công nghệ hợp lý đủ sức cạnh tranh, thích hợp với điều kiện từng vùng, từng địa phương; gắn hoạt động kinh tế của các làng nghề với hoạt động dịch vụ du lịch và bảo tồn phát triển văn hóa truyền thống. Đẩy mạnh công tác chuyển giao, áp dụng khoa học công nghệ trong sản xuất tại các làng nghề; hiện đại hóa công nghệ xử lý chất thải, kiểm soát và giảm thiểu ô nhiễm môi trường làng nghề trên địa bàn nông thôn.

1.2. Phát triển thị trường, nâng cao hiệu quả tiêu thụ nông sản: Tập trung quyết liệt tháo gỡ rào cản về thị trường; tích cực tham gia đàm phán các hiệp định tự do hóa thương mại theo hướng thúc đẩy mở cửa thị trường cho các loại nông, lâm, thủy sản của Việt Nam; bảo hộ hợp lý các ngành còn khó khăn; đổi mới và đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, tổ chức kết nối thị

trường cả trong và ngoài nước; tăng cường năng lực nghiên cứu, dự báo và thông tin thị trường để định hướng sản xuất đến tất cả các ngành, từng phân ngành; kiểm soát dung lượng thị trường, quản lý điều tiết sản xuất kinh doanh; đồng thời cung cấp thông tin đồng bộ, kịp thời đến người sản xuất, kinh doanh.

1.3. Thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ: Khoa học công nghệ phải là khâu then chốt để tạo đột phá trong tái cơ cấu; tập trung nguồn lực đầu tư nghiên cứu, giải quyết các vấn đề quan trọng bức thiết của ngành, kiên quyết chống dàn trải, kém hiệu quả; thúc đẩy ứng dụng sâu rộng khoa học công nghệ, nhất là công nghệ sinh học, công nghệ thông tin vào sản xuất, quản lý nông nghiệp; nghiên cứu, chọn tạo và tổ chức sản xuất ra các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng và giá trị thương phẩm cao; ưu tiên nguồn lực cho các sản phẩm chủ lực, có khả năng cạnh tranh.

Tiếp tục tăng cường đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, đào tạo nhân lực phục vụ nghiên cứu và chuyển giao khoa học, công nghệ; đổi mới cơ chế quản lý, nhất là cơ chế tài chính phục vụ nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; phát huy cao hơn sự tham gia của các doanh nghiệp.

Đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác khuyến nông, tập trung tạo ra sự chuyển biến rõ nét, trên diện rộng đối với các loại sản phẩm chính; từng bước xã hội hóa công tác khuyến nông.

1.4. Phát triển thủy lợi, nâng cao năng lực phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu

Thủy lợi năm 2015 tiếp tục hướng vào phục vụ đa mục tiêu, đảm bảo nhu cầu cung cấp nước cho thâm canh cây trồng, nuôi trồng thủy sản và làm muối; nhu cầu nước cho phát triển công nghiệp, phục vụ đời sống dân cư..., trong đó ưu tiên:

- Hoàn thành các công trình đầu tư dở dang. Đầu tư mới chủ yếu để đảm bảo an toàn các hồ chứa, nâng cấp hệ thống đê sông, đê biển, chống lụt ngập tại các đô thị lớn, các công trình thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản trên cơ sở xem xét kỹ tính cấp bách và khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư.

- Tiếp tục phát triển thủy lợi vừa và nhỏ cho vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số để đảm bảo nước tưới và sinh hoạt, góp phần ổn định cuộc sống, xóa đói giảm nghèo.

- Đẩy mạnh thực hiện chương trình đổi mới và nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác các công trình thủy lợi. Ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong thiết kế, xây dựng và quản lý các công trình thủy lợi.

- Nâng cao khả năng phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai và thích ứng với biến động của khí hậu đối với sản xuất và môi trường. Xây dựng các phương án chủ động phòng, chống, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai; tăng cường năng lực nhằm chủ động ứng phó kịp thời và có hiệu quả trước mọi tình huống.

1.5. Đẩy mạnh thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và các chương trình phát triển nông thôn khác

Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới nhằm đạt mục tiêu cuối năm 2015, cả nước có 20% xã đạt tiêu chí nông thôn mới. Trên cơ sở quy hoạch, đề án xây dựng nông thôn mới đã được duyệt, các địa phương bố trí nguồn lực thực hiện các nội dung ưu tiên; tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ các thành phần kinh tế, nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ đầu tư vào sản xuất, phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản nông sản, ngành nghề, dịch vụ ở nông thôn...

Thực hiện các chính sách hỗ trợ, nhất là cơ sở hạ tầng, hướng dẫn kỹ thuật, tiêu thụ sản phẩm để khôi phục và phát triển các làng nghề; khuyến khích các hộ gia đình, tư nhân, hợp tác xã, doanh nghiệp vừa và nhỏ đầu tư phát triển các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, đáp ứng nhu cầu tại chỗ và xuất khẩu.

Tiếp tục xây dựng kế hoạch và nội dung, các giải pháp triển khai thực hiện Chương trình MTQG về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn để năm 2015, tỷ lệ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 85%, trong đó 45% đạt quy chuẩn nước sạch của Bộ Y tế; 65% số hộ dân nông thôn có nhà tiêu hợp vệ sinh.

Phối hợp thực hiện tốt các Chương trình lớn đã được phê duyệt như: Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ; Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo; Chương trình bố trí sắp xếp dân cư; Chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; chương trình ổn định dân cư các công trình thủy lợi, thủy điện...

Thực hiện lồng ghép việc xóa đói, giảm nghèo; xóa nhà tạm, giải quyết vấn đề nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn với việc triển khai các chương trình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn nông thôn. Tạo điều kiện cho các đối tượng là đồng bào dân tộc thiểu số, các đối tượng thuộc diện chính sách xã hội được hưởng lợi các dịch vụ công của Nhà nước.

1.6. Thực hiện tái cơ cấu đầu tư, đổi mới cơ cấu, cơ chế và nâng cao hiệu quả đầu tư công

a. Đổi mới cơ cấu, cơ chế đầu tư công

Thực hiện rà soát, phân loại dự án đầu tư, điều chỉnh nguồn vốn và hình thức đầu tư để thu hút nguồn lực của toàn xã hội cho nông nghiệp, nông thôn:

- Vốn ngân sách nhà nước tập trung đầu tư cho các nhiệm vụ cấp bách, nhiệm vụ chiến lược của ngành và các dự án không có khả năng thu hồi vốn; đầu tư phát triển hạ tầng ở các vùng có nhiều khó khăn để hỗ trợ xóa đói, giảm nghèo, nâng cao điều kiện sống cho dân cư. Dành nguồn ngân sách thỏa đáng để thực hiện chính sách ưu đãi, khuyến khích các thành phần kinh tế khác đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

- Lựa chọn các dự án có khả năng thu hồi vốn để xã hội hóa nguồn vốn đầu tư, tăng tỷ trọng vốn đầu tư tín dụng, vốn của các cá nhân, tập thể, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, kể cả hình thức hợp tác công tư (PPP) đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

- Nâng cao chất lượng lựa chọn các dự án đầu tư, lấy hiệu quả kinh tế xã hội là tiêu chí cơ bản để quyết định lựa chọn dự án đầu tư; công khai, minh bạch trong đầu tư; tăng cường công tác giám sát, đánh giá đầu tư.

- Bố trí vốn tập trung, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, phân tán và không đồng bộ; phân bổ, quản lý và giám sát sử dụng vốn đầu tư phải thực hiện theo quy hoạch và kế hoạch trung hạn.

- Đổi mới mô hình, công tác quản lý công trình sau đầu tư để nâng cao hiệu quả hoạt động và tăng cường sự tham gia giám sát của người dân.

b. Xác định ưu tiên đối với từng lĩnh vực như sau:

- Nông nghiệp, ưu tiên đầu tư cho các chương trình, dự án chọn tạo, nhân giống cây trồng, vật nuôi phục vụ chuyển đổi cơ cấu sản xuất và xuất khẩu hàng hóa; các dự án phục vụ phòng chống dịch bệnh, an toàn vệ sinh, thực phẩm; hỗ trợ phát triển ứng dụng công nghệ cao.

- Thủy sản, tăng đầu tư hạ tầng phát triển nghề cá biển, đảo như cảng cá, khu neo đậu tàu thuyền, tránh trú bão, xây dựng hạ tầng các vùng sản xuất giống, vùng nuôi trồng thủy sản tập trung (bao gồm cả thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản), đầu tư phát triển hệ thống các trung tâm giống thủy sản cấp quốc gia, cấp tỉnh; xây dựng hệ thống quan trắc, cảnh báo môi trường và giám sát dịch bệnh phục vụ nuôi trồng thủy sản.

- Lâm nghiệp, ưu tiên đầu tư giống cây lâm nghiệp phục vụ trồng rừng kinh tế và phát triển dịch vụ môi trường rừng.

- Thủy lợi, tập trung vốn cho các dự án hoàn thành; ưu tiên đầu tư thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản; hạ tầng phát triển nuôi trồng thủy sản và giống thủy sản, phát triển ứng dụng kỹ thuật tưới tiết kiệm; ưu tiên vốn nhiều hơn cho nâng cấp, duy tu, bảo dưỡng công trình sau đầu tư hơn là đầu tư mới; chú trọng đầu tư các công trình hệ thống hơn là công trình đầu mối.

1.7. Đẩy mạnh phát triển các hình thức tổ chức sản xuất mới, hiệu quả

Xây dựng và mở rộng các mô hình hợp tác, liên kết chặt chẽ theo chuỗi khép kín từ sản xuất đến tiêu thụ, giữa nông dân với các thành phần kinh tế khác, trong đó doanh nghiệp là chủ lực để đưa nông nghiệp lên sản xuất quy mô lớn, giá trị gia tăng cao

Tiếp tục sắp xếp, đổi mới, cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước thuộc ngành; sắp xếp, đổi mới nông, lâm, ngư trường quốc doanh, rà soát hiện trạng sử dụng quỹ đất rừng, thu hồi diện tích sử dụng sai mục đích, kém hiệu quả, vượt khả năng quản lý để giao cho các tổ chức, cá nhân thuê sử dụng, nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

Tiếp tục phát triển kinh tế hộ theo hướng chuyên môn hóa, sản xuất quy mô lớn; khuyến khích và hỗ trợ các hộ sản xuất áp dụng khoa học công nghệ, quy trình sản xuất tiên tiến để nâng cao năng suất, chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm.

Tạo môi trường và điều kiện thuận lợi hơn cho kinh tế trang trại sản xuất hàng hóa lớn, tập trung với các điều kiện và yếu tố sản xuất theo hướng công nghiệp, hiện đại.

Thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; phát triển tổ chức hiệp hội ngành hàng.

1.8. Tiếp tục cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; thực hành tiết kiệm, phòng chống tham nhũng lãng phí

Đẩy mạnh cải cách hành chính với các nội dung về thể chế, đào tạo cán bộ, công chức, công sở, công vụ và tài chính công với trọng tâm là: hoàn thành việc sắp xếp tổ chức bộ máy quản lý nhà nước ở Bộ và các địa phương đảm bảo sự chỉ đạo nhanh nhạy, thông suốt, chủ động, hiệu lực và hiệu quả.

Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng sử dụng cán bộ, công chức của ngành nhằm xây dựng đội ngũ công chức hành chính, viên chức sự nghiệp là các chuyên gia giỏi về chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp, đáp ứng nhu cầu phát triển nền nông nghiệp hiện đại và hội nhập quốc tế; triển khai mạnh chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đặc biệt là đào tạo lao động nông thôn theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

Rà soát, ban hành thể chế quản lý ngành với tinh thần triệt để đơn giản hoá thủ tục hành chính, tạo đạo kiện cho các cơ sở, địa phương giải quyết nhanh các yêu cầu đầu tư sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Tăng cường năng lực hệ thống kiểm tra, kiểm nghiệm, thanh tra chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm đối với sản phẩm nông lâm thủy sản, diêm nghiệp, chú trọng quản lý chất lượng vật tư đầu vào như giống, phân bón, chế phẩm chuyên dùng, chuyên ngành, đảm bảo quyền lợi người tiêu dùng.

Xây dựng Chương trình hành động thực hiện Luật phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Đối với các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ

2.1. Các doanh nghiệp

Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện phương án tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước thuộc ngành nông nghiệp theo Quyết định số 704/QĐ-TTg ngày 11/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

Căn cứ thông tin dự báo thị trường nông lâm thủy sản trong nước và thế giới, chỉ tiêu sản xuất kinh doanh kế hoạch 5 năm 2011 - 2015 và khả năng nguồn lực huy động, các doanh nghiệp xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh theo hướng:

- Thực hiện tái cơ cấu ngành theo hướng tập trung ưu tiên phát triển những ngành nghề chính, có lợi thế, phục vụ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản có hiệu quả bền vững; thoái vốn đầu tư ngoài ngành.

- Đầu tư phát triển chế biến nông lâm thủy sản gắn với vùng sản xuất nguyên liệu tập trung quy mô lớn, đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Đầu tư đổi mới trang thiết bị, công nghệ và đẩy mạnh hoạt động chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất đối với sản phẩm nông lâm thủy sản có thị trường, có giá trị gia tăng, có khả năng cạnh tranh và hiệu quả cao.

- Đào tạo phát triển nguồn nhân lực.

2.2. Các đơn vị sự nghiệp

Căn cứ kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn 5 năm 2011- 2015 xây dựng kế hoạch nghiên cứu, ứng dụng, cung cấp các dịch vụ công đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh của nông dân và doanh nghiệp.

- Đối với cơ sở nghiên cứu khoa học, tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định 115/2005/NĐ-CP về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm và đề án Đổi mới cơ chế quản lý KH-CN trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn. Xây dựng kế hoạch nghiên cứu chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho sản xuất có hiệu quả cao nhất.

- Đối với cơ sở đào tạo nguồn nhân lực, đổi mới nội dung chương trình, phương pháp, tổ chức đào tạo phát triển nguồn nhân lực nhằm nâng cao chất lượng, đáp ứng nguồn nhân lực cho yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngành; đa dạng hoá hoạt động để phát huy tốt năng lực sẵn có, tham gia nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ đáp ứng yêu cầu của sản xuất; đẩy nhanh tiến độ thực hiện Đề án sắp xếp, đổi mới các trường thuộc Bộ.

III. XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2015

1. Dự toán chi đầu tư phát triển

Thực hiện nghiêm các quy định về tăng cường quản lý đầu tư công, kiên quyết khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải và nợ đọng xây dựng cơ bản; dự toán chi đầu tư phát triển kế hoạch năm 2015 phải phù hợp với Kế hoạch đầu tư từ ngân sách nhà nước và phải góp phần thực hiện tốt nhất các mục tiêu phát triển ngành cũng như mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội chung của cả nước 5 năm 2011-2015. Trong việc đề xuất nhu cầu và bố trí vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước kế hoạch năm 2015, các đơn vị và địa phương phải quán triệt các nguyên tắc sau:

- Thực hiện theo đúng quy định tại Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ, Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2012 về những giải pháp chủ yếu khắc phục tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản tại các địa phương, Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28

tháng 6 năm 2013 về tăng cường quản lý đầu tư và xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản từ nguồn vốn ngân sách nhà nước và trái phiếu Chính phủ;

- Tập trung bố trí vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ các dự án quan trọng, cấp bách của ngành; hỗ trợ ngư dân phát triển đánh bắt và các dịch vụ trên biển, gắn với bảo vệ chủ quyền biển đảo; các nhiệm vụ giảm nghèo, tạo việc làm; các dự án trọng điểm có ý nghĩa lớn đối với phát triển của ngành, địa phương;

- Ưu tiên bố trí vốn cho các dự án, công trình đã hoàn thành và đã bàn giao đưa vào sử dụng trước 31 tháng 12 năm 2014 nhưng chưa bố trí đủ vốn; thanh toán nợ xây dựng cơ bản; các dự án dự kiến hoàn thành năm 2015 (theo tiến độ trong quyết định đầu tư, khả năng cân đối vốn và khả năng thực hiện trong năm 2015); vốn đối ứng cho các dự án ODA theo tiến độ thực hiện dự án;

- Bố trí hoàn trả các khoản vốn ứng trước theo đúng quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

- Số vốn còn lại bố trí cho các dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt. Đối với các dự án chuyển tiếp, cần rà soát phạm vi, quy mô đầu tư phù hợp với mục tiêu và khả năng cân đối vốn;

- Đối với các dự án khởi công mới, chỉ bố trí vốn khởi công mới các dự án thật sự cấp bách đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: (1) Nằm trong quy hoạch đã được duyệt; (2) Đã xác định rõ nguồn vốn và khả năng cân đối vốn ở từng cấp ngân sách; (3) Có đủ thủ tục đầu tư theo quy định trước ngày 31 tháng 10 năm 2014; (4) Đã bố trí đủ vốn để xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định tại Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2012; Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ; (5) Không bố trí vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cho các dự án không thuộc nhiệm vụ chi đầu tư theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước;

- Không được yêu cầu các doanh nghiệp ứng vốn thực hiện các dự án ngoài kế hoạch, chưa cân đối được vốn...;

- Không bố trí vốn bổ sung có mục tiêu nguồn ngân sách trung ương cho: Các dự án khởi công mới chưa được thẩm định nguồn vốn; các dự án phê duyệt quyết định đầu tư không đúng theo văn bản thẩm định nguồn vốn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; không bố trí phần vốn điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư theo quy định tại Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ. Không bố trí vốn ngân sách trung ương cho các dự án sử dụng vốn vay ngân sách địa phương chưa thẩm định vốn hoặc phê duyệt phần vốn ngân sách trung ương cao hơn mức đã thẩm định.

2. Dự toán chi sự nghiệp

Dự toán chi thường xuyên cần được lập đúng chính sách, chế độ, định mức hiện hành. Ưu tiên bố trí vốn đối ứng dự án ODA, các chương trình trọng tâm như chương trình giống, khuyến nông, vệ sinh ATTP; đảm bảo bố trí chi

ngân sách cho các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, sự nghiệp bảo vệ môi trường,... theo đúng các yêu cầu trong các nghị quyết của Đảng, Quốc hội và Chính phủ.

Rà soát các chương trình, đề án để lồng ghép, giảm bớt sự trùng lặp, chồng chéo, lãng phí. Sắp xếp, cơ cấu lại nhiệm vụ chi phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước.

Các cơ quan, đơn vị khẩn trương phân định rõ các loại dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước; rà soát hoàn thiện hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật để có căn cứ tính toán các chi phí cần thiết kết cấu trong giá, phí dịch vụ công; xác định khung giá dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước, theo các mức giá từng bước tính đủ tiền lương, chi thường xuyên theo lộ trình phù hợp với khả năng đóng góp của người dân trên từng địa bàn. Trên cơ sở đó, phân loại các đơn vị sự nghiệp thực hiện theo mức giá phù hợp để chuyển đổi phương thức đầu tư, hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đối với các đơn vị.

Tiếp tục thực hiện bổ sung có mục tiêu kinh phí sự nghiệp từ ngân sách trung ương cho các địa phương để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

Trong điều kiện cân đối ngân sách còn khó khăn, các cơ quan, đơn vị có sử dụng ngân sách lập dự toán chi thường xuyên đúng tính chất nguồn kinh phí, triệt để tiết kiệm, đặc biệt là dự toán chi mua sắm phương tiện, trang thiết bị đắt tiền, hạn chế tối đa về số lượng và quy mô tổ chức lễ hội, hội nghị, hội thảo, tổng kết, lễ ký kết, khởi công, phong tặng danh hiệu, tiếp khách, đi công tác trong và ngoài nước và các nhiệm vụ không cần thiết, cấp bách khác; dự toán chi cho các nhiệm vụ này không tăng so với số thực hiện năm 2014.

3. Dự toán chi Chương trình mục tiêu và mục tiêu quốc gia

Căn cứ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, các cơ quan quản lý chương trình xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn để làm căn cứ xây dựng phương án phân bổ dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia năm 2015; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đánh giá tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2014, giai đoạn 2011 - 2014 và cơ chế quản lý, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia để làm căn cứ xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia 2015.

Nguồn vốn ngân sách nhà nước phải được tập trung phân bổ để thực hiện tại các địa phương, ưu tiên những địa phương có điều kiện khó khăn, những nơi cần tập trung nguồn lực để giải quyết các vấn đề cấp bách, bức xúc; ưu tiên bố trí vốn cho các dự án, công trình hoàn thành năm 2014 và các năm trước chưa bố trí đủ vốn, các dự án chuyển tiếp cần đẩy nhanh tiến độ; các công trình, dự án khởi công mới bố trí vốn phải bảo đảm đáp ứng các thủ tục theo quy định và hoàn thành trong năm 2015; hạn chế tối đa bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ chi hội nghị, hội thảo, sơ kết, tổng kết, chi tham quan, học tập;

không bố trí kinh phí đoàn ra trong chi thường xuyên của các chương trình mục tiêu quốc gia.

4. Vốn trái phiếu Chính phủ

Thực hiện nghiêm các quy định của Quốc hội và Chính phủ trong việc quản lý sử dụng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ.

Căn cứ danh mục và mức vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn Trái phiếu Chính phủ 2012-2015 và năm 2014 đã giao, đánh giá kết quả thực hiện và lập kế hoạch đầu tư năm 2015 theo hướng ưu tiên vốn cho các dự án hoàn thành trước 2014, sẽ hoàn thành trong năm 2015 gửi Bộ, đồng gửi Bộ Kế hoạch Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Chỉ bố trí vốn đối ứng cho các dự án hạ tầng kinh tế - xã hội do Bộ quản lý và hỗ trợ vốn đối ứng các dự án hạ tầng kinh tế - xã hội do các địa phương nghèo đang phải nhận bổ sung cân đối ngân sách từ Trung ương theo đúng các tiêu chí, định mức hỗ trợ quy định tại Quyết định số 60/2010/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ; ưu tiên bố trí vốn trái phiếu Chính phủ đối ứng cho các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA của nhóm 6 ngân hàng phát triển, gồm: WB, ADB, JICA, KFW, AFD, KEXIMBANK nhằm đẩy nhanh tiến độ giải ngân, bảo đảm các cam kết trong các hiệp định đã ký và tiến độ, thực hiện các chương trình, dự án.

Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới: Tập trung bố trí vốn trái phiếu Chính phủ để hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã theo đúng mục tiêu của Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; trong đó ưu tiên tập trung cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã nghèo thuộc các huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP, các huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao, các huyện miền núi của các tỉnh giáp Tây Nguyên, vùng đồng bằng sông Cửu Long và các vùng còn lại; các xã điểm.

- Các đơn vị, địa phương xây dựng phương án huy động vốn của các thành phần kinh tế khác để bổ sung vốn cho các dự án sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ triển khai dở dang nhưng chưa được bố trí đủ vốn.

5. Các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn ODA

Căn cứ tiến độ thực hiện dự án và Hiệp định tài trợ của các dự án do Bộ/ngành được giao quản lý thực hiện để lập dự toán ngân sách năm 2015 theo đúng trình tự, quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý nợ công và các văn bản hướng dẫn của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan chức năng về quản lý đầu tư và xây dựng cơ bản, quản lý và sử dụng vốn ODA, quy trình giải ngân trong các văn kiện dự án, trong đó chi tiết nguồn vốn ODA, vốn đối ứng theo các chương trình, dự án và theo tính chất nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản và kinh phí sự nghiệp phù hợp tiến độ giải ngân năm 2015. Bố trí dự toán chi ngân sách từ nguồn vốn ODA cho các dự án bảo đảm đủ theo tiến độ giải ngân quy định trong các văn kiện chương trình/dự án và

hiệp định tài trợ đã ký kết. Ưu tiên bố trí đủ vốn đối ứng các công trình, dự án ODA từ nguồn ngân sách nhà nước và trái phiếu Chính phủ (nếu có).

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

1. Vụ Kế hoạch

- Chủ trì, hướng dẫn các địa phương, đơn vị xây dựng kế hoạch 2015;
- Chủ trì, phối hợp với Vụ Tài chính tổng hợp cân đối kế hoạch đầu tư phát triển của toàn ngành gồm đầu tư phát triển và chi sự nghiệp của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo Bộ trưởng;
- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ làm việc với Bộ Kế hoạch Đầu tư, Bộ Tài chính và các địa phương về Kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn năm 2015, đặc biệt kế hoạch đầu tư phát triển của Ngành.

2. Vụ Tài chính

- Chủ trì, hướng dẫn các đơn vị thuộc Bộ đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước 2014 và lập dự toán thu, chi ngân sách năm 2015 và tổng hợp báo cáo Bộ trưởng;
- Chủ trì, phối hợp với Vụ Kế hoạch tổng hợp, cân đối báo cáo Bộ kế hoạch chi ngân sách đối với chương trình, dự án sử dụng nguồn sự nghiệp;
- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có chức năng thuộc Bộ làm việc với Bộ Tài chính để có số kiểm tra chi sự nghiệp qua Bộ và bảo vệ dự toán ngân sách năm 2015.

3. Các Tổng cục/Cục/Vụ, Sở Nông nghiệp và PTNT

Xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2015 gửi về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, trao đổi làm việc với các Bộ ngành liên quan về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2015 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

II. TIẾN ĐỘ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Các Tổng cục/Cục/Vụ, các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các đơn vị xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2015 gửi về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Vụ Kế hoạch) trước ngày 15/7/2014 để tổng hợp gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước 20/7/2014 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Biểu mẫu kế hoạch năm 2015 đăng tại trang Website của Vụ Kế hoạch:
<http://vukehoach.mard.gov.vn>

Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2015 gửi về Vụ Kế hoạch - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp gồm 1 bản in và file mềm gửi đến địa chỉ email: kh@mard.gov.vn.

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm Chỉ thị này./.

Nơi nhận:

- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Các Sở NN và PTNT;
- Website Bộ NN và PTNT;
- Lưu: VT, KH. (xlv)

BỘ TRƯỞNG



Cao Đức Phát

www.LuatVietnam.vn